BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

Số: 2547/QĐ-ĐHTCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-BTC ngày 04/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị thiết bị, Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Trường Đại học Tài chính – Marketing theo nội dung tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

2.1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2.2. Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Quyết định này thay thế Phụ lục I và Phụ lục II (tương ứng) được ban hành kèm theo Quyết định số 836/QĐ-ĐHTCM ngày 23/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

2.3. Quyết định số 291/QĐ-ĐHTCM ngày 15/02/2023 và Quyết định số 1455/QĐ-ĐHTCM ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc điều chỉnh, bổ sung về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị tại Trường Đại học Tài chính Marketing hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động thuộc và trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2023

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ

(Đính kèm Quyết định số 2547/ QĐ-ĐHTCM ngày 04/10/2023)

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHỔ BIẾN

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
A	**Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh**		
I	**Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu**		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
2	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
3	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	5
4	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,75
II	**Trưởng, phó phòng, khoa, viện, trung tâm**		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
2	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	7
3	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
4	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
III	**Các chức danh còn lại (tính cho 01 người)**		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
4	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
B	**Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của các đơn vị**		
I	**Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân**		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
2	Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	5
3	Giá đựng công văn đi, đến	01 bộ	1
4	Máy vi tính để bàn	01 bộ	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Máy photocopy	02 chiếc	90
7	Máy fax	01 chiếc	7
8	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
II	**Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của phòng, khoa, viện, trung tâm (tính cho 01 phòng)**		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
2	Máy in	01 chiếc	10
3	Điện thoại cố định	01 bộ	0,3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH MARKETING

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
I	**Thiết bị trong các thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện, dây chuyền công nghệ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ**			
1	Cổng an ninh 1 lối vào (sử dụng công nghệ RFID)	- Cấu trúc 2 cánh 1 lối đi. - Độ rộng 1 lối đi tối đa 1,60m. - Chức năng: chống trộm cho tài liệu trong thư viện; giám sát và thống kê tài liệu, gây báo động.	1 bộ/ 1 lối vào thư viện	430
2	Cổng an ninh 2 lối vào (sử dụng công nghệ RFID)	- Cấu trúc cổng: 3 cánh, 2 lối đi. - Độ rộng 1 lối đi tối đa 1,60m. - Chức năng: chống trộm cho tài liệu trong thư viện; giám sát và thống kê tài liệu gây báo động.	1 bộ/ 1 lối vào thư viện	700
3	Trạm lập trình/ Trạm lưu thông sử dụng công nghệ RFID	Chức năng: nhập/chuyển đổi (lập trình) dữ liệu vào chip RFID và lưu thông mượn trả tài liệu. Bao gồm đầu đọc RFID, ăng ten đọc, phần mềm lập trình và lưu thông	02 bộ/ 1 thư viện	60
4	Thiết bị kiểm kê cầm tay	Thiết bị kiểm kê/tìm kiếm tài liệu. Cho phép kiểm kê kho sách và tìm kiếm tài liệu, sử dụng công nghệ RFID. Bao gồm thiết bị kiểm kê cầm tay, thiết bị xử lý dữ liệu, phần mềm kiểm kê, pin và sạc.	1 bộ/1 thư viện	230
5	Máy scan	- Khổ giấy: A4/A5 - Tốc độ quét: tối thiểu 45 trang/ phút - Cổng giao tiếp: USB/ LAN/ Wifi	1 bộ/1 Thư viện	30
6	Màn hình thông tin có cảm ứng	- Màn hình cảm ứng tối thiểu 55 inch - Kiểu hiển thị 2D	1 bộ/ 1 thư viện	90

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
		- Tỷ lệ màn hình 16:9 - Độ phân giải màn hình 3840*2160 UHD - Cổng kết nối USB - Wifi - RJ45 - HDMI - AV - Hệ điều hành: Windows / Linux / Android		
7	Thiết bị mượn/trả tự động (self service)	Thiết bị mượn/trả tự động (self service) - Cho phép bạn đọc tự thực hiện các thao tác mượn/trả tài liệu, gia hạn tài liệu, kiểm tra thông tin tài khoản - Hệ thống kết nối với phần mềm quản lý thư viện thông qua giao thức SIP2 - Có khả năng đọc thông tin nhiều tài liệu cùng một lúc để rút ngắn thời gian thao tác của bạn đọc - Cho phép thư viện bật/tắt chế độ xác thực khi bạn đọc mượn tài liệu, Khi chế độ xác thực được bật, bạn đọc phải nhập mật khẩu (PIN) để đăng nhập vào tài khoản trước khi thực hiện thao tác - Tự động bật/tắt trạng thái an ninh theo thao tác của bạn đọc - Cho phép bạn đọc gia hạn tài liệu - Cho phép bạn đọc kiểm tra thông tin tài khoản (thông tin tài khoản, tiền phạt, đặt mượn) - Cho phép bạn đọc hủy đặt mượn trên thiết bị - Tích hợp máy in biên lai, in biên lai sau mỗi giao dịch của bạn đọc - Giao thức TCP/IP - Hỗ trợ EAS và AFI - Đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn ISO15693 (ISO 18000-3 MODE 1)	1 bộ/ 1 thư viện	400

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
8	Thiết bị trả sách 24/7 sử dụng công nghệ RFID	Thiết bị trả sách 24/7 công nghệ RFID - Cho phép bạn đọc thư viện có thể trả tài liệu tại bất kỳ thời điểm nào trong ngày (hoạt động 24/7) - Hệ thống kết nối phần mềm thư viện qua giao thức SIP2 (Standard Interchange Protocol Version 2.0) - Thực hiện ghi trả tài liệu và kích hoạt trạng thái an ninh khi đưa tài liệu vào trong - Vị trí: Cố định trong Thư viện - Có khả năng tích hợp với UPS dự phòng để thiết bị có thể hoạt động liên tục kể cả trong trương hợp mất điện - Có khả năng tích hợp với hệ thống phân loại tài liệu ghi trả - Tần số hoạt động 13.56 MHz - Đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn ISO15693 (ISO 18000-3 MODE 1) - Hỗ trợ EAS và AFI - Hỗ trợ TCP/IP	01 bộ/ 1 thư viện	1.200
9	Switch 24 cổng cho hệ thống camera	Switch 24 cổng kết nối RJ45 - Tốc độ truyền dẫn dữ liệu 10/100/1000 Mbps - Bao gồm 4 cổng CL4 và 20 cổng CL6 PoE, 2 cổng SFP+ 10GbE và 2 cổng 10GBASE-T - Tổng công suất 370W POE	02 chiếc/ 1 thư viện	40
10	Màn hình tương tác thông minh 4K	Kích thước bảng điều khiển: tối thiểu 86 inch Loại tấm nền: TFT LCD Module with DLED Backlight Khu vực hiển thị (mm): 1895.04(H) x 1065.96(V) Tỷ lệ khung hình: 16:9 Độ phân giải: UHD 3840x2160(Pixels)	01 bộ/1 phòng đặc thù	95

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
		Colors: 1.07B colors (10bit) Độ sáng: 400 nits (typ.) Độ tương phản: 1200:1 Typ. , 5000:1 Max.(DCR enable) Thời gian đáp ứng: 8ms Góc nhìn: H = 178, V = 178 typ. Tuổi thọ đèn nền: 50,000 Hours (Typ.) Bề mặt: Hardness: 9H with Anti-Fingerprint coating & Anti-Glare coating Bộ xử lý: ARM Cortex A73*4 RAM: 4GB (IFP8652-1A), 8GB (IFP8652-1B) Kho lưu trữ: 32GB (IFP8652-1A), 64GB (IFP8652-1B) Hệ điều hành và phần mềm tích hợp.		
II	**Trang thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng**			
1.	Máy chủ phục vụ Đề án khung năng lực ngoại ngữ (VSTEP)	- CPU: 2x Intel Xeon Gold 6430 32C 270W 2.1GHz Processor - Thanh RAM: 4x ThinkSystem 64GB TruDDR5 4800MHz (2Rx4) 10x4 RDIMM - ThinkSystem RAISSD 9350-8i 2GB Flash PCIe 12Gb Adapter - ThinkSystem SR650 V3 Performance Heatsink - 6x ThinkSystem 2USS V3 Performance Fan Module - Ổ cứng: 4x ThinkSystem 2.5" 1.92TB Read Intensive SATA 6Gb HS SSD - ThinkSystem V3 2U 24x2.5" Chassis	1 Bộ	700

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
		- Module: 2x ThinkSystem Broadcom 10GBASE-T 2-Port PCIe Ethernet Adapter - Module: 1x ThinkSystem Broadcom 1GbE RJ45 4-port OCP Ethernet Adapter - Module: 1x ThinkSystem QLogic 32Gb 2-Port PCIe Fibre Channel Adapter - Nguồn: 2x ThinkSystem 1800W 230V Platinum Hot-Swap Gen2 Power Supply v2 - Chassis: 1x ThinkSystem V3 2U 24x2.5" Chassis - Tray: 20x ThinkSystem 1x1 2.5" HDD Filler - License SQL Server Standard Edition, License SQL Server – 1 User CAL		
2.	Máy photo đề thi	- Khay giấy: khay tay 100 tờ; khay chính: 3 khay - Tốc độ Copy/Print: trắng đen ≥ 70 trang/phút - Tốc độ Scan: Màu/trắng đen: 110 trang/phút (một mặt); 220 trang/phút (hai mặt) - Kết nối: Cổng mạng RJ45, Wifi, Wifi direc "in khi không có mạng LAN" - Điều khiển: màn hình cảm ứng 10.0 inches - Bộ nhớ: Từ 2 GB + 2GB màn hình (Smart Operate Panel) + HDD 320 GB - Khổ giấy: nhỏ nhất A6 – lớn nhất A3 - Khay chứa giấy ra: 300 tờ - Nạp và đảo bản gốc: có sẵn - Các tính năng khác: In, photo 2 mặt A3/A4	3 cái	300
3.	Máy vi tính xách tay	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB	20 cái	30

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
		- Màn hình 14 inches		
4.	Máy in 2 mặt tốc độ cao	- Tốc độ in >= 31 trang/phút với khổ giấy A4 hoặc tốc độ in >= 20 trang/phút với khổ A3 - Cổng giao tiếp: USB/LAN - Độ phân giải: 600 dpi	5	30
5.	Máy in màu	- Tốc độ in >= 15 trang/phút - Cổng kết nối: USB - Khổ giấy: A3/A4/ A5	5	30
6.	Máy quét điểm	- Kiểu máy: máy để bàn nạp giấy tự động - Khổ giấy: tối thiểu 48 x 70 mm (1.9 x 2.75 in.) - Tốc độ quét (ADF, Trắng đen/Thang xám, 200dpi/300dpi, Chiều ngang, Giấy letter: 80ppm/160ipm) - Cảm biến hình ảnh: CIS - Độ phân giải: 600dpi	2	90
7.	Tủ, kệ áp tường phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng	Vật liệu MDF	Kích thước đo theo thực tế	4 triệu đồng/ m^2
III	**Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; các thiết bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học, hội trường, phòng sinh hoạt chuyên môn, giảng đường, trạm y tế, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thực nghiệm, thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện**			
1.	Máy vi tính để bàn phòng thực hành (không bao gồm UPS)	- Core i5 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 21.5 inches	1 máy/05 sinh viên	25

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
2.	Máy tính để bàn trang bị cho trường quay và quay video bài giảng điện tử	- Core i7 - SSD 500GB - RAM 32 GB (2x16GB) - Card màn hình VGA - Màn hình 27 inches	5	60
3.	Máy vi tính để bàn phòng thực hành chuyên ngành CNTT (không bao gồm UPS)	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 21.5 inches	1 máy/05 sinh viên	30
4.	Máy tính xách tay	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 14 inches	30	30
5.	Máy vi tính xách tay trang bị cho trường quay và quay video bài giảng điện tử	- Core i7 - SSD 500GB - RAM 32GB - Màn hình 14 inches	20	35
6.	Máy chiếu	Cường độ sáng: 4.200 Ansi lumen Độ phân giải thực: XGA (1024x768 Pixels) Độ tương phản: 20.000:1 Khả năng trình chiếu: Từ 30" tới 300" (0.762 m tới 7.62m) Tỷ lệ hình ảnh: 4:3 (Tự động)	1 máy/ phòng	30
7.	Máy chiếu hội trường	Cường độ sáng: 5100 Ansi Lumens Độ tương phản: 3000:1 Độ phân giải: WXGA(1280x800) Tỉ lệ khung hình: 16:10 Các cổng tín hiệu kết nối: HDMI x1, VGA, VIDEO, RJ-	2 máy/ phòng	50

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
		45,RS232C Kích thước phóng to màn hình 40”-300”		
8.	Tivi trình chiếu (82-85 inch)	Loại Tivi: Smart Tivi QLED Kích cỡ màn hình: 82-85 inch Độ phân giải:4K	1 cái/ phòng	45
9.	Tủ ủ bột bánh mì 16 khay	Điện áp: 220V/50 Hz Công suất ủ khô: 600W Công suất ủ khô: 2kW Nhiệt độ ủ: 38-40^{0}C	01 cái/ Phòng thực hành	30
10.	Tủ, kệ phục vụ cho các khu vực dùng chung	Vật liệu MDF hoặc gỗ tự nhiên	Kích thước đo theo thực tế	4 triệu đồng/m^2
IV	**Hệ thống điều hòa, hút ẩm, bảo ôn, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khoa học, thực nghiệm**			
1.	Máy điều hoà không khí		1 máy/ 20 m2	50
2.	Máy hút ẩm		01 máy/ phòng	30
V	**Thiết bị khác phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ đặc thù của cơ sở đào tạo**			
1.	Thiết bị lưu trữ NAS phục vụ lưu trữ dữ liệu của Trường	- NAS loại Synology - Ổ cứng lưu trữ loại HDD - CPU có tốc độ >=2.2GHz - Dung lượng lưu trữ 30TB - RAM 16GB	1 Bộ	100

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa *(triệu đồng/chiếc hoặc bộ)*
2.	Thiết bị lưu trữ NAS phục vụ lưu trữ dữ liệu cho các đơn vị thuộc Trường	- NAS loại Synology - Ổ cứng lưu trữ loại HDD - CPU có tốc độ >=2.2GHz - Dung lượng lưu trữ 16TB - RAM 16GB	1 Bộ	90